TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ ĐỒNG HỚI** **TỈNH QUẢNG BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06 /2022/KDTM-ST
Ngày: 18/3/2022
V/v: *"Tranh chấp Hợp đồng tín dụng"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐỒNG HỚI, TỈNH QUẢNG BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thanh Hoa

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Dương Đức Bản
2. Bà Phan Thị Lan Hương

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Thanh Tâm – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đồng Hới tham gia phiên tòa: Bà Võ Thị Hoàng Mai - Kiểm sát viên.

Trong ngày 18 tháng 3 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 27/2020/TLST- KDTM ngày 14 tháng 10 năm 2020 về việc *"Tranh chấp hợp đồng tín dụng"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 11/2022/QĐXXST-KDTM ngày 09 tháng 02 năm 2022; Quyết định hoãn phiên toà số 15/2022/QĐST-KDTM ngày 23/02/2022, Thông báo về việc mở lại phiên tòa số 15/2022/TB-TA ngày 07/3/2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ngân hàng TMCP V (gọi tắt là V); Địa chỉ: Số 89 H, phường H, quận Đ, thành phố Hà Nội; Người đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Chí D - Chủ tịch HĐQT. *Người đại diện theo ủy quyền:* Ông Phạm Tuấn A - Phó giám đốc Trung tâm pháp luật ngân hàng, SME và cá nhân, V hội sở theo Văn bản ủy quyền số 03/2020 UQ-HĐQT ngày 02/3/2020; Ông Phạm Tuấn A đã ủy quyền lại cho ông Nguyễn Văn T - Giám đốc V chi nhánh Quảng Bình và ông Nguyễn Mạnh S, ông Trần Tiến L - Cán bộ xử lý nợ; Địa chỉ liên hệ: Số 108, Đ, phường P, thành phố H, tỉnh Quảng Bình, theo Văn bản ủy quyền số 1039/2020/UQ-VPB ngày 24/3/2020. Ông Trần Tiến L có mặt.

2. *Bị đơn:* Công ty TNHH TM & DV K; Địa chỉ: Đường H (khu thương mại 525) Tổ dân phố 11, phường L, thành phố H, tỉnh Quảng Bình; Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Đức N, sinh năm 1957 - Chủ tịch Hội đồng thành viên kiêm Giám đốc. Ông Trần Đức N vắng mặt lần 2 không có lý do.

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

- Ông Trần Đức N; sinh năm: 1957; Địa chỉ: Tổ dân phố 11, phường L, thành phố H, tỉnh Quảng Bình. Ông Trần Đức N vắng mặt lần 2 không có lý do.

- Ông Lê Bình C; sinh năm: 1976; Địa chỉ: Tổ 9, khu phố 1, L, B, tỉnh Quảng Nam. Ông Lê Bình C vắng mặt lần 2, có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Ông Nguyễn Khánh D; sinh năm:1971; Địa chỉ: X, xã N, thành phố H, tỉnh Quảng Bình. Ông Nguyễn Khánh D vắng mặt lần 2 không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Trong đơn khởi kiện, bổ sung tại bản tự khai, lời khai trong quá trình tố tụng người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Ngân hàng TMCP V trình bày:

Công ty TNHH TM & DV K *(Địa chỉ: Đường H (khu thương mại 525), tổ dân phố 11, phường L, thành phố H, tỉnh Quảng Bình)*, do ông Trần Đức N - Chức vụ Giám đốc làm đại diện theo pháp luật, có vay vốn tại V Chi nhánh Quảng Bình *(Địa chỉ: 108 Đ, thành phố H, tỉnh Quảng Bình)* theo các Hợp đồng cụ thể như sau:

Hợp đồng cho vay hạn mức số SME/QBI/18/0008/HDHM ngày 11/6/2018: Hạn mức cho vay: 200.000.000 đồng (Bằng chữ: Hai trăm triệu đồng). Mục đích sử dụng vốn: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động bảo dưỡng, sữa chửa và kinh doanh phụ tùng xe ô tô và xe có động cơ khác. Thời hạn duy trì hạn mức: 12 tháng, tính từ ngày 11/6/2018. Lãi suất cho vay trong hạn và cơ chế điều chỉnh lãi suất: Được quy định cụ thể trong (các) khế ước nhận nợ và/hoặc các văn bản liên quan. Lãi suất đối với nợ gốc quá hạn: Bằng 150% mức lãi suất trong hạn áp dụng tại thời điểm chuyển nợ quá hạn. Lãi suất chậm trả áp dụng đối với tiền lãi chậm trả: Bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn áp dụng tại thời điểm chậm trả lãi nhưng tối đa không quá 10%/năm tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

Thông tin bên bảo lãnh, Hợp đồng bảo lãnh: Hợp đồng bảo lãnh số SME/QBH/18/0008/HDBL-01 ký ngày 11/6/2018 giữa ông Trần Đức N và V; Hợp đồng bảo lãnh số SME/QBH/18/0008/HDBL-02 ký ngày 11/6/2018 giữa ông Nguyễn Khánh D; ông Lê Bình C với Công ty TNHH TM & DV K và V.

Giấy đề nghị kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế không có tài sản bảo đảm ngày 15/6/2018 (177-C-684502): Tổng hạn mức thẻ: 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng). Thời hạn: 60 tháng (sáu mươi tháng). Lãi suất trong hạn: 25%/năm.

* Quá trình thực hiện Hợp đồng:

Công ty TNHH TM & DV K đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ đối với V kể từ ngày 25/02/2019 và phải chịu mức lãi suất nợ quá hạn theo thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng. Tính đến ngày 30/3/2020, Công ty TNHH TM & DV K đã quá hạn 400 ngày *(xếp vào nợ xấu theo Nghị quyết số 42/2017/QH14 ngày 21/6/2017 của*

Quốc hội về thí điểm xử lý nợ xấu của các tổ chức tín dụng) và còn nợ V số tiền: **352.731.915 đồng**, trong đó nợ gốc: 235.550.717 đồng; nợ lãi: 117.181.198 đồng.

Để bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp theo quy định của pháp luật Nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết:

-Yêu cầu Tòa án buộc Công ty TNHH TM & DV K phải thanh toán ngay cho V toàn bộ số tiền nợ gốc, nợ lãi và các khoản phát sinh liên quan theo các Hợp đồng tín dụng nêu trên. Tính đến ngày 30/3/2020, khoản tiền này là: **352.731.915 đồng**, trong đó nợ gốc: 235.550.717 đồng; nợ lãi: 117.181.198 đồng.

-Yêu cầu Tòa án tiếp tục cho tính lãi theo đúng thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng cho đến ngày Công ty TNHH TM & DV K thực tế thanh toán hết nợ cho V. V có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án xác minh, kê biên, phát mại các tài sản của Công ty TNHH TM & DV K để thu hồi nợ cho V.

-Trong trường hợp Công ty TNHH TM & DV K không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ của mình thì yêu cầu Tòa án buộc các ông Trần Đức N, Nguyễn Khánh D, Lê Bình C, là những người bảo lãnh nghĩa vụ cho Công ty TNHH TM & DV K, thực hiện thay toàn bộ nghĩa vụ của công ty theo các hợp đồng bão lãnh đã ký kết. V có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án xác minh, kê biên, phát mại các tài sản khác thuộc quyền sở hữu, sử dụng hợp pháp của các ông Trần Đức N, Nguyễn Khánh D, Lê Bình C, là người bảo lãnh nghĩa vụ cho Công ty TNHH TM & DV K để thanh toán nợ tại V.

**** Ý kiến của bị đơn:*** Công ty TNHH TM&DV K - ông Trần Đức N là người đại diện theo pháp luật của Công ty (ông Trần Đức N cũng là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án) thừa nhận đã ký kết các Hợp đồng tín dụng với Ngân hàng TMCP V- Chi nhánh Quảng Bình để vay vốn đúng như trong Đơn khởi kiện của Nguyên đơn và Thông báo thụ lý vụ án của Tòa án. Hiện nay Công ty thừa nhận còn nợ ngân hàng với số tiền gốc là 235.550.717 đồng. Do công ty hiện nay đang còn khó khăn nên đề nghị ngân hàng tạo điều kiện để Công ty hoàn trả số tiền trên cho ngân hàng. Ông N cam đoan sẽ chịu trách nhiệm về khoản nợ trên đối với ngân hàng. Đối với khoản lãi thì đề nghị xem xét ngân hàng miễn lãi. Đối với ông Nguyễn Khánh D và ông Lê Bình C là thành viên trong giấy phép kinh doanh chứ không liên quan đến việc vay mượn với ngân hàng.

* ***Ý kiến của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Khánh D*** có bản tự khai: ông với ông Trần Đức N là thành viên trên giấy phép công ty. Việc ông N đại diện Công ty TNHH TM&DV K vay nợ ngân hàng ông không liên quan. Ông không ký vào hợp đồng vay nợ. Công ty TNHH TM&DV K trả toàn bộ khoản nợ do ông N làm giám đốc và có cam kết trả nợ.

* ***Ý kiến của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Bình C:*** Tòa án nhân dân huyện Thăng Bình đã tiến hành lấy lời khai của ông C vào ngày

02/7/2021 theo Quyết định ủy thác thu thập chứng cứ của Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới thì ông C khẳng định rằng việc Ngân hàng V - chi nhánh Quảng Bình khởi kiện có nội dung yêu cầu ông C có trách nhiệm bảo lãnh theo hợp đồng bảo lãnh cho Công ty TNHH TM&DV K đã được ký kết thì ông không đồng ý vì ông không liên quan.

Tại phiên tòa đại diện nguyên đơn V trình bày: Ngày 12/01/2022 Nguyên đơn đã có Đơn gửi Tòa án xin rút một phần yêu cầu khởi kiện, cụ thể rút yêu cầu nghĩa vụ bảo lãnh của ông Nguyễn Khánh D và ông Lê Bình C đối với toàn bộ khoản vay của Công ty TNHH TM&DV K tại V theo Hợp đồng bảo lãnh số SME/QBH/18/0008/HDBL-02 ký ngày 11/6/2018. Tại phiên tòa, Nguyên đơn trình bày việc rút yêu cầu nghĩa vụ bảo lãnh của ông Nguyễn Khánh D và ông Lê Bình C đối với toàn bộ khoản vay của Công ty TNHH TM&DV K nêu trên của Nguyên đơn là hoàn toàn tự nguyện, đề nghị Tòa án chấp thuận. Việc ông N đề nghị Ngân hàng xem xét miễn lãi thì Nguyên đơn không đồng ý vì phía Công ty TNHH TM & DV K đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ đối với V kể từ ngày 25/02/2019 là đã xâm phạm quyền và lợi ích hợp pháp của Nguyên đơn. Do đó, nay tại phiên tòa Nguyên đơn yêu cầu Tòa án buộc Công ty TNHH TM & DV K phải thanh toán ngay cho V toàn bộ số tiền nợ gốc, nợ lãi và các khoản phát sinh liên quan theo các Hợp đồng tín dụng nêu trên tạm tính đến hết ngày 18/3/2022 là: **582.470.695 đồng**, trong đó nợ gốc: 235.546.699 đồng; nợ lãi: 346.923.996 đồng; Yêu cầu Tòa án tiếp tục cho tính lãi theo đúng thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng cho đến ngày Công ty TNHH TM & DV K thực tế thanh toán hết nợ cho V. V có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án xác minh, kê biên, phát mại các tài sản của Công ty TNHH TM & DV K để thu hồi nợ cho V; Trong trường hợp Công ty TNHH TM & DV K không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ của mình thì yêu cầu Tòa án buộc ông Trần Đức N là người bảo lãnh nghĩa vụ cho Công ty TNHH TM & DV K, thực hiện thay toàn bộ nghĩa vụ của công ty theo hợp đồng bão lãnh đã ký kết. V có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án xác minh, kê biên, phát mại các tài sản khác thuộc quyền sở hữu, sử dụng hợp pháp của ông Trần Đức N là người bảo lãnh nghĩa vụ cho Công ty TNHH TM & DV K để thanh toán nợ tại V.

Đại diện bị đơn Công ty TNHH TM & DV K; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Trần Đức N, Nguyễn Khánh D, Lê Bình C đều vắng mặt nên không có lời trình bày, ý kiến tại phiên tòa.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đồng Hới phát biểu ý kiến như sau: trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và nguyên đơn đã tuân thủ đúng pháp luật. Việc giải quyết vụ án: Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và qua xét hỏi tại phiên tòa đề nghị HĐXX áp dụng các Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng, Điều 116, 117,

119, 335, 336, 463, 465, 466, 468, 470 Bộ luật dân sự 2015, Điều 217, 244 Bộ luật Tố tụng dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên: Đình chỉ yêu cầu nghĩa vụ bảo lãnh của ông Nguyễn Khánh D và Lê Bình C đối với toàn bộ khoản vay của Công ty TNHH TM&DV K tại Ngân hàng V theo Hợp đồng bảo lãnh số SME/QBH/18/0008/HDBL-02 ngày 11/6/2018; Chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bị đơn phải trả cho ngân hàng V toàn bộ số tiền nợ gốc, nợ lãi và các khoản phát sinh liên quan theo các Hợp đồng tín dụng nêu trên tạm tính đến hết ngày 18/3/2022 là: **582.470.695 đồng**, trong đó nợ gốc: 235.546.699 đồng; nợ lãi trong hạn: 239.974.294 đồng; lãi quá hạn: 73.411.169 đồng; lãi chậm trả: 33.538.533 đồng; Tiếp tục cho tính lãi theo đúng thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng cho đến ngày Công ty TNHH TM & DV K thực tế thanh toán hết nợ cho V. V có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án xác minh, kê biên, phát mại các tài sản của Công ty TNHH TM & DV K để thu hồi nợ cho V; Trong trường hợp Công ty TNHH TM & DV K không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ của mình thì buộc ông Trần Đức N là người bảo lãnh nghĩa vụ cho Công ty TNHH TM & DV K, thực hiện thay toàn bộ nghĩa vụ của công ty theo hợp đồng bão lãnh đã ký kết. V có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án xác minh, kê biên, phát mại các tài sản khác thuộc quyền sở hữu, sử dụng hợp pháp của ông Trần Đức N là người bảo lãnh nghĩa vụ cho Công ty TNHH TM & DV K để thanh toán nợ tại V. Buộc Công ty TNHH TM & DV K phải chịu án phí kinh doanh thương mại theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tranh chấp phát sinh từ quan hệ hợp đồng nên nguyên đơn yêu cầu Tòa án nơi hợp đồng được thực hiện giải quyết (theo nội dung thỏa thuận tại hợp đồng). Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới thụ lý và giải quyết vụ án theo đúng thẩm quyền quy định tại Điều 35; điểm g khoản 1 Điều 40 Bộ luật tố tụng dân sự.

Ngày 27/4/2020, Tòa án đã thụ lý vụ án dân sự số 08/2020/TLST-KDTM về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng". Ngày 26/6/2020, Tòa án ra Quyết định gia hạn thời hạn chuẩn bị xét xử số 36/2020/QĐ-GHXX, thời hạn 01 tháng. Quá trình giải quyết vụ án ngày 23/6/2020, TAND thành phố Đồng Hới gửi công văn đến Cục quản lý xuất nhập cảnh về việc cung cấp thông tin xuất nhập cảnh đối với ông Lê Bình C và ông Nguyễn Khánh D. Ngày 02/7/2020, TAND thành phố Đồng Hới nhận công văn số 10506/QLXNC-P5 với nội dung: ông Lê Bình C xuất cảnh gần nhất 20/01/2008 và ông Nguyễn Khánh D xuất cảnh gần nhất 25/3/2012, hiện cả hai người chưa có thông tin nhập cảnh về nước. Ngày 24/7/2020, TAND thành

phố Đồng Hới đã ra quyết định chuyển vụ án Kinh doanh thương mại số 01 chuyển toàn bộ vụ án lên TAND tỉnh Quảng Bình để xét xử theo thẩm quyền. Ngày 14/10/2020, TAND tỉnh Quảng Bình có công văn số 622 trong đó có nội dung: chưa có đủ cơ sở để khẳng định ông C đã xuất cảnh từ 20/01/2008 đến nay chưa nhập cảnh về Việt Nam, do đó, TAND tỉnh Quảng Bình chuyển trả hồ sơ cho TAND thành phố Đồng Hới để giải quyết theo thẩm quyền. Ngày 16/10/2020, TAND thành phố thụ lý số 27 thụ lý lại vụ việc nêu trên. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành triệu tập, hòa giải các bên, bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan nhưng việc hòa giải không đạt được thỏa thuận.

Ngày 12/01/2021, TAND thành phố Đồng Hới ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01, ấn định thời gian xét xử là ngày 28/01/2021. Ngày 15/01/2021, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đồng Hới ra Yêu cầu xác minh, thu thập chứng cứ và bổ sung người tham gia tố tụng số 01 yêu cầu: Xác minh tình trạng cư trú của người có liên quan là ông Lê Bình C? Tiến hành tống đạt các văn bản tố tụng cho người liên quan nhằm đảm bảo cho quá trình giải quyết vụ án đúng pháp luật. Đồng thời, quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn cung cấp bảng lãi cho Tòa án và Viện kiểm sát chưa phân tích rõ bảng lãi để làm căn cứ giải quyết vụ án. Ngày 22/02/2021, Tòa án có Thông báo số 09 về dời lịch xét xử do Thẩm phán công tác đột xuất không tham gia phiên tòa được và ấn định thời gian xét xử vào ngày 05/3/2021. Ngày 05/3/2021, TAND thành phố Đồng Hới ra quyết định Tạm ngừng phiên tòa số 02 vì lý do xác minh thu thập chứng cứ và triệu tập người tham gia tố tụng. Ngày 02/4/2021, TAND ra quyết định tạm đình chỉ giải quyết vụ án kinh doanh thương mại số 06. Ngày 20/5/2021, Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới ra Quyết định ủy thác thu thập chứng cứ số 02 gửi Tòa án nhân dân huyện Thăng Bình, tỉnh Quảng Nam để tiến hành thu thập chứng cứ về các nội dung: Ông C có mối quan hệ như thế nào đối với Công ty TNHH TM&DV K? Xác định cá nhân ông C có ký kết hợp đồng bảo lãnh SME/QBH/18/0008/HDBL-02 ký ngày 11/6/2018 giữa ông Nguyễn Khánh D; Lê Bình C với Công ty TNHH TM&DV K và Ngân hàng V bảo lãnh cho khoản vay nói trên? Tiến hành tống đạt các văn bản tố tụng cho ông Lê Bình C?

Tòa án nhân dân huyện Thăng Bình đã tiến hành lấy lời khai của ông C vào ngày 02/7/2021, nội dung như sau: Năm 2012 đến năm 2013 ông C có làm việc tại Công ty TNHH TM&DV K. Lúc đó, anh rể của ông C là ông Trần Đức N có mượn chứng minh thư nhân dân của ông để thành lập công ty chứ ông C trên thực tế không góp vốn gì cả. Đầu năm 2014 thì ông không còn làm việc tại Công ty mà trở về quê và sinh sống tại tổ dân phố 1, thị trấn Hà Lam, huyện Thăng Bình, tỉnh Quảng Nam cho đến nay không đi đâu cả. Từ đó, không liên quan gì đến Công ty TNHH TM&DV K. Ông C không tham gia ký kết hợp đồng bảo lãnh vay vốn của Công ty TNHH TM&DV K tại ngân hàng V - chi nhánh Quảng Bình vào ngày

11/6/2018. Chữ ký trong hợp đồng tín dụng không phải chữ ký của ông mà là mạo danh. Ông không biết gì cả cho đến khi Tòa án huyện Thăng Bình mời ông đến làm việc. Việc Ngân hàng V- chi nhánh Quảng Bình khởi kiện có nội dung yêu cầu ông C có trách nhiệm bảo lãnh theo hợp đồng bảo lãnh đã được ký kết thì ông không đồng ý vì ông không liên quan.

Ngày 14/7/2021, TA ra quyết định tiếp tục giải quyết vụ án KDTM bởi thu thập các tài liệu chứng cứ có liên quan theo yêu cầu của Viện kiểm sát. Ngày 23/7/2021, TAND thành phố Đồng Hới ra thông báo về việc mở lại phiên tòa số 93 để tiếp tục giải quyết vụ án.

Ngày 20/7/2021, Viện kiểm sát nhân dân thành phố ban hành yêu cầu xác minh thu thập chứng cứ số 01a với nội dung: Đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới tiến hành trưng cầu giám định chữ ký, chữ viết của ông Trần Đức N, Lê Bình C và Nguyễn Khánh D tại hợp đồng bảo lãnh số SME/QBH/18/0008/HDBL-02 ngày 11/6/2018 để làm căn cứ giải quyết vụ án. Ngày 10/8/2021, Tòa án có Quyết định số 79 về việc hoãn phiên tòa. Ngày 07/9/2021, Tòa án có thông báo số 105 về việc hoãn phiên tòa, ấn định thời gian mở phiên toà vào 04/10/2021. Ngày 04/10/2021, Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới có quyết định tạm ngừng phiên tòa số 07 để xác minh thu thập chứng cứ. Ngày 18/10/2021, Tòa án có Thông báo số 93a về việc mở lại phiên tòa ấn định thời gian xét xử vào ngày 03/11/2021. Ngày 03/11/2021, Tòa án có Quyết định tạm đình chỉ số 16 tạm đình chỉ giải quyết vụ án kinh doanh thương mại. Ngày 12/01/2022, Ngân hàng TMCP V có đơn đề nghị rút một phần yêu cầu khởi kiện có nội dung: Rút yêu cầu nghĩa vụ bảo lãnh của ông Nguyễn Khánh D và Lê Bình C đối với toàn bộ khoản vay của Công ty TNHH TM&DV K tại Ngân hàng V theo Hợp đồng bảo lãnh số SME/QBH/18/0008/HDBL-02 ngày 11/6/2018.

Ngày 03/11/2021, ông N có tờ trình gửi Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới khẳng định ông C và ông D không liên quan đến hợp đồng tín dụng và hợp đồng bảo lãnh số SME/QBH/18/0008/HDBL-02 ngày 11/6/2018. Ngày 18/02/2022, ông Trần Đức N có đơn trình bày gửi Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới có nội dung: Ông được biết Ngân hàng V có đơn xin rút yêu cầu nghĩa vụ bảo lãnh của ông Nguyễn Khánh D, Lê Bình C đối với khoản vay tại hợp đồng bảo lãnh số SME/QBH/18/0008/HDBL-02 ngày 11/6/2018 thì ông N nhất trí và ông N chịu hoàn toàn trách nhiệm đối với khoản vay nêu trên.

Ngày 20/01/2022, Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới có Quyết định số 03 tiếp tục giải quyết vụ án kinh doanh thương mại. Ngày 09/2/2022, TAND thành phố Đồng Hới ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử vào ngày 23/02/2022. Bị đơn và Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đã được Toà án triệu tập hợp lệ mà vắng mặt không có lý do tại phiên tòa lần thứ nhất nên HĐXX ra Quyết định hoãn phiên tòa số 15/2022/QĐST-KDTM ngày 23/02/2022, Thông báo về việc mở lại phiên

tòa số 15/2022/TB-TA ngày 07/3/2022 và ấn định thời gian xét xử vào ngày 18/3/2022 theo đúng quy định tại Điều 227, 233 BLTTDS. Nhưng phía bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vẫn vắng mặt tại phiên tòa, nên HĐXX căn cứ vào Điều 227; Điều 228 BLTTDS, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan.

[2] Về nội dung:

[2.1] Theo trình bày và thừa nhận của các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như các chứng cứ có trong hồ sơ xác định được:

Công ty TNHH TM & DV K do ông Trần Đức N - Chức vụ Giám đốc làm đại diện theo pháp luật, có vay vốn tại V Chi nhánh Quảng Bình theo các Hợp đồng cụ thể như sau: Hợp đồng cho vay hạn mức số SME/QBI/18/0008/HDHM ngày 11/6/2018: Hạn mức cho vay: 200.000.000 đồng (Bằng chữ: Hai trăm triệu đồng). Mục đích sử dụng vốn: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động bảo dưỡng, sữa chữa và kinh doanh phụ tùng xe ô tô và xe có động cơ khác. Thời hạn duy trì hạn mức: 12 tháng, tính từ ngày 11/6/2018. Lãi suất cho vay trong hạn và cơ chế điều chỉnh lãi suất: Được quy định cụ thể trong (các) khế ước nhận nợ và/hoặc các văn bản liên quan. Lãi suất đối với nợ gốc quá hạn: Bằng 150% mức lãi suất trong hạn áp dụng tại thời điểm chuyển nợ quá hạn. Lãi suất chậm trả áp dụng đối với tiền lãi chậm trả: Bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn áp dụng tại thời điểm chậm trả lãi nhưng tối đa không quá 10%/năm tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

Thông tin bên bảo lãnh, Hợp đồng bảo lãnh: Hợp đồng bảo lãnh số SME/QBH/18/0008/HDBL-01 ký ngày 11/6/2018 giữa ông Trần Đức N và V; Hợp đồng bảo lãnh số SME/QBH/18/0008/HDBL-02 ký ngày 11/6/2018 giữa ông Nguyễn Khánh D; ông Lê Bình C với Công ty TNHH TM & DV K và V.

Giấy đề nghị kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế không có tài sản bảo đảm ngày 15/6/2018 (177-C-684502): Tổng hạn mức thẻ: 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng). Thời hạn: 60 tháng (sáu mươi tháng). Lãi suất trong hạn: 25%/năm.

[2.2] Đối với việc Nguyên đơn rút yêu cầu về nghĩa vụ bảo lãnh của ông Nguyễn Khánh D và ông Lê Bình C, Hội đồng xét xử thấy rằng: Ngày 12/01/2022, Ngân hàng TMCP V có đơn đề nghị rút một phần yêu cầu khởi kiện có nội dung: Rút yêu cầu nghĩa vụ bảo lãnh của ông Nguyễn Khánh D và Lê Bình C đối với toàn bộ khoản vay của Công ty TNHH TM&DV K tại Ngân hàng V theo Hợp đồng bảo lãnh số SME/QBH/18/0008/HDBL- 02 ngày 11/6/2018 là hoàn toàn tự nguyện phù hợp với Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự; Ngày 18/02/2022 ông Trần Đức N có Đơn trình bày gửi Tòa án về việc ông N hoàn toàn nhất trí với việc Nguyên đơn rút yêu cầu về nghĩa vụ bảo lãnh của ông Nguyễn Khánh D và ông Lê Bình C vì việc nợ Ngân hàng của Công ty thì ông Nguyễn Khánh D và ông Lê Bình C hoàn toàn không liên quan và ông N đứng ra nhận trách nhiệm hoàn toàn với khoản vay trên. Do đó, Hội đồng xét xử thấy cần chấp nhận việc Nguyên đơn rút yêu cầu về nghĩa vụ bảo lãnh của ông Nguyễn Khánh D và ông Lê Bình C.

Thông tin bảo lãnh: Bằng Hợp đồng bảo lãnh số SME/QBH/ 18/0008/ HDBL-01 ký ngày 11/6/2018 giữa bên bảo lãnh là ông Trần Đức N và V; ông Trần Đức N đồng ý bằng toàn bộ tài sản của mình, bảo lãnh vô điều kiện và không hủy ngang cho V trong việc thực hiện toàn bộ nghĩa vụ của Công ty TNHH TM&DV K tại V. Xét Hợp đồng cho vay hạn mức số SME/QBI/18/0008/HDHM ngày 11/6/2018 (Kèm theo: *Khế ước nhận nợ số* LD1816401211 ngày 13/6/2018; *Khế ước nhận nợ số* LD1816500414 ngày 14/6/2018; *Khế ước nhận nợ số* LD1820801712 ngày 27/7/2018; *Khế ước nhận nợ số* LD1827501026 ngày 02/10/2018; *Khế ước nhận nợ số* LD1834101235 ngày 07/12/2018; *Khế ước nhận nợ số* LD1902901970 ngày 29/01/2019); theo Giấy đề nghị kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế không có tài sản bảo đảm ngày 15/6/2018 (177-C-684502) và hợp đồng bảo lãnh số SME/QBH/ 18/0008/ HDBL-01 ký ngày 11/6/2018 đã ký kết nêu trên đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật, nên hợp pháp, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên tham gia ký kết hợp đồng.

[2.2] Quá trình thực hiện hợp đồng

Công ty TNHH TM & DV K đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ đối với V kể từ ngày 25/02/2019 và phải chịu mức lãi suất nợ quá hạn theo thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng. Bị đơn đã vi phạm hợp đồng tín dụng ký kết giữa hai bên về thời gian thanh toán nợ gốc và lãi. Bị đơn trong các bản tự khai, đơn trình bày đều thừa nhận còn nợ Nguyên đơn số nợ gốc, lãi như Đơn khởi kiện của Nguyên đơn cũng như Thông báo thụ lý vụ án của Tòa án. Tuy nhiên vì hiện tại Công ty gặp khó khăn về tài chính nên đề nghị Ngân hàng xem xét miễn khoản lãi. Đối với nội dung này Nguyên đơn không đồng ý vì phía Công ty TNHH TM & DV K đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ đối với V kể từ ngày 25/02/2019 là đã xâm phạm quyền và lợi ích hợp pháp của Nguyên đơn. Theo yêu cầu của nguyên đơn thì tính đến hết ngày 18/3/2022 (ngày xét xử) tổng số tiền bị đơn chưa trả cho V là: **582.470.695 đồng**, trong đó nợ gốc: 235.546.699 đồng; nợ lãi trong hạn 239.974.294 đồng; lãi quá hạn: 73.411.169 đồng; lãi chậm trả: 33.538.533 đồng. Trong trường hợp Công ty TNHH TM & DV K không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ của mình thì yêu cầu buộc ông Trần Đức N là người bảo lãnh nghĩa vụ cho Công ty TNHH TM & DV K, thực hiện thay toàn bộ nghĩa vụ của công ty theo hợp đồng bão lãnh đã ký kết. V có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án xác minh, kê biên, phát mại các tài sản khác thuộc quyền sở hữu, sử dụng hợp pháp của ông Trần Đức N là người bảo lãnh nghĩa vụ cho Công ty TNHH TM & DV K để thanh toán nợ tại V. Yêu cầu tiếp tục tính lãi phát sinh trên số dư nợ gốc thực tế kể từ ngày 19/3/2022 cho đến khi thực hiện xong nghĩa vụ theo đúng thỏa thuận trong các Hợp đồng tín dụng. V có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án xác minh, kê biên, phát mại các tài sản của Công ty TNHH TM & DV K để thu hồi nợ cho V, là hoàn toàn có căn cứ, Hội đồng xét xử thấy đủ cơ sở để chấp nhận.

[3] Về án phí: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự, căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

Do yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng được chấp nhận nên bị đơn Công ty TNHH TM & DV K phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 20.000.000 đồng cộng 4% của phần giá trị tranh chấp vượt quá 400.000.000 đồng là **582.470.695 đồng – 400.000.000 đồng = 182. 470.695 đồng x 4% = 7.299.000 đồng + 20.000.000 đồng = 27. 299.000 đồng** để sung quỹ nhà nước.

Nguyên đơn không phải chịu án phí sơ thẩm và được trả lại số tiền tạm ứng án phí **8.818.000 đồng** đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2017/ 0006312 ngày 27/4/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng Khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35; điểm g khoản 1 Điều 40; khoản 1 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228, Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự (2015);

- Áp dụng các Điều 335; 342; 357; 463; 466 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Áp dụng các Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP V (Vpbank) đối với Công ty TNHH TM & DV K.

1.1. Buộc Công ty TNHH TM & DV K phải trả cho Ngân hàng TMCP V (V) số tiền tính đến hết ngày 18/3/2022 là: **582.470.695 đồng** (trong đó: nợ gốc: 235.546.699 đồng; nợ lãi trong hạn 239.974.294 đồng; lãi quá hạn: 73.411.169 đồng; lãi chậm trả: 33.538.533 đồng) theo Hợp đồng cho vay hạn mức số SME/QBI/18/0008/HDHM ngày 11/6/2018 và Giấy đề nghị kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế không có tài sản bảo đảm ngày 15/6/2018 (177-C-684502).

1.2. Từ ngày 19/3/2022 cho đến khi trả hết nợ gốc, hàng tháng Công ty TNHH TM & DV K còn phải chịu thêm khoản tiền lãi trên số nợ gốc chậm trả theo mức lãi suất đã được thỏa thuận theo Hợp đồng cho vay hạn mức số SME/QBI/18/0008/HDHM ngày 11/6/2018 (Kèm theo: *Khế ước nhận nợ số* LD1816401211 ngày 13/6/2018; *Khế ước nhận nợ số* LD1816500414 ngày 14/6/2018; *Khế ước nhận nợ số* LD1820801712 ngày 27/7/2018; *Khế ước nhận nợ số* LD1827501026 ngày 02/10/2018; *Khế ước nhận nợ số* LD1834101235

ngày 07/12/2018; *Khế ước nhận nợ số* LD1902901970 ngày 29/01/2019;); theo Giấy đề nghị kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế không có tài sản bảo đảm ngày 15/6/2018 (177-C-684502) mà hai bên đã ký kết cho đến khi thanh toán xong khoản nợ. V có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án xác minh, kê biên, phát mại các tài sản của Công ty TNHH TM & DV K để thu hồi nợ cho V.

1.3.Trường hợp Công ty TNHH TM & DV K không trả hết số nợ gốc và khoản lãi phát sinh cho ngân hàng thì bên bảo lãnh ông Trần Đức N phải dùng tài sản riêng để thực hiện nghĩa vụ trả nợ của Công ty TNHH TM & DV K với Ngân hàng TMCP V (V) theo Hợp đồng cho vay hạn mức số SME/QBI/18/0008/HDHM ký ngày 11/6/2018 và Giấy đề nghị kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế không có tài sản bảo đảm ngày 15/6/2018 (177-C-684502) và Hợp đồng bảo lãnh số SME/QBH/18/0008/HDBL-01 ký ngày 11/6/2018 giữa bên bảo lãnh là ông Trần Đức N (CMND số 194370878 do Công an tỉnh Quảng Bình cấp ngày 10/3/2012) và V; V có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án xác minh, kê biên, phát mại các tài sản khác thuộc quyền sở hữu, sử dụng hợp pháp của ông Trần Đức N là người bảo lãnh nghĩa vụ cho Công ty TNHH TM & DV K để thanh toán nợ tại V.

2. Đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu của Nguyên đơn về nghĩa vụ bảo lãnh của ông Nguyễn Khánh D và ông Lê Bình C đối với toàn bộ khoản vay của Công ty TNHH TM&DV K tại Ngân hàng TMCP V (V) theo Hợp đồng bảo lãnh số SME/QBH/18/0008/HDBL-02 ngày 11/6/2018.

3. Án phí:

3.1. Công ty TNHH TM&DV K phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm số tiền là **27. 299.000 đồng** để sung ngân sách nhà nước.

3.2. Ngân hàng thương mại cổ phần V (V) không phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm; hoàn trả cho nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần V (V) số tiền tạm ứng án phí **8.818.000 đồng** đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2017/ 0006312 ngày 27/4/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Báo cho nguyên đơn có mặt tại phiên tòa biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (18/3/2022); bị đơn; người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết tại chính quyền địa phương.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Quảng Bình;*
- *VKSND TP. Đồng Hới;*
- *Chi cục THADS TP. Đồng Hới;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ;*
- *Lưu án.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)
Nguyễn Thanh Hoa